

Bản án số: 192/2024/DS-ST

Ngày: 30-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Nhàn

2. Ông Bùi Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1121/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4067/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5789/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Số B đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Đào Văn Q, trú tại: Số F đường G, Phường H, Quận E Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024).

Ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trương Tấn P, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP A- Có ông Đào Văn Q- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là M) cấp tín dụng cho ông Trương Tấn P căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số COH.CN.01100812/NV ngày 10/8/2012 (Số tài khoản vay: 142461869), chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng); Mục đích cho vay: UIL- Tiêu dùng tín chấp- Hỗ trợ tiêu dùng; Phương thức cho vay: Vay trung dài hạn; Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ tiền vay vào tài khoản thanh toán số: 66800759 của ông P tại M; Thời hạn cho vay: 36 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 10/8/2012 đến ngày 10/8/2015); Lãi suất trong hạn: 9,9 %/năm (Lãi suất này thay đổi theo quy định của M); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

M cấp tín dụng cho ông P căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số: COH.CN.01250712/HMTC ngày 25/7/2012 (Số tài khoản vay: 141437409), chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); Mục đích cho vay: Tiêu dùng- Không có tài sản bảo đảm; Phương thức cho vay: Vay hạn mức/ngắn hạn; Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ tiền vay vào tài khoản thanh toán số: 66800759 của ông P tại M; Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu (từ ngày 25/7/2012 đến ngày 25/7/2013); Lãi suất trong hạn: 18,1 %/năm (Lãi suất này thay đổi theo quy định của M); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

M cấp tín dụng cho ông P căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông P ký ngày 08/10/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của M; Các văn bản khác của ông P ký với M về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: Số thẻ: 4791 3825 3003 4377; Loại thẻ: Visa chuẩn; Ngày cấp: 13/10/2011; Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 10/2024.

Sự kiện vi phạm và dư nợ:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với M. Do đó:

Ngày 30/01/2013, M ra Thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn số 4791382530034377 và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông P. Ngày 01/3/2013, M ra Thông báo chuyển nợ quá hạn thẻ tín dụng nêu trên.

Ngày 31/01/2013, M ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số COH.CN.01100812/NV ngày 10/8/2012 (số TK 142461869) và Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số COH.CN.01250712/HMTC ngày 25/7/2012 (số TK 141437409).

Tính đến ngày 30/5/2024, ông P còn nợ M tổng cộng 218.565.448 đồng.

M đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông P trả ngay cho M tổng số nợ tạm tính đến ngày 30/5/2024 là 218.565.448 đồng, trong đó: vốn gốc 49.859.555 đồng, lãi trong hạn 680.224 đồng, lãi quá hạn 168.025.669 đồng.

- Buộc ông Trương Tấn P còn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả trên dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số COH.CN.01100812/NV; Hợp đồng cấp tín dụng số COH.CN.01250712HMTC; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của M kể từ ngày 31/5/2024 đến ngày trả hết nợ;

** Đối với Bị đơn- Ông Trương Tấn P:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng ông P không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Ông P không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Ngày 13/10/2011, 25/7/2012 và ngày 10/8/2012, ông Trương Tấn P và Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) xác lập các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng. Do ông P không thanh toán đúng hạn số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Ông P là bị đơn, có địa chỉ cư trú ghi trên hợp đồng tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Ông P được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[1.3] Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 13/10/2011, hợp đồng cấp tín dụng số: COH.CN.01250712HMTC ngày 25/7/2012 và hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: COH.CN.01100812/NV ngày 10/8/2012 là 49.859.555 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 13/10/2011, 25/7/2012 và ngày 10/8/2012, ông P có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản Các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của M, hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng cấp tín dụng trả góp (Gọi tắt là Hợp đồng). Việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Sau khi được cấp tín dụng, ông P không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch, số tiền gốc ông P còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng là 49.859.555 đồng.

Ông P không còn ở địa chỉ nơi cư trú ghi trong hợp đồng nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết; Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P, nhưng ông P không đến Tòa giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng; Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, các tài liệu do Tòa án thu thập và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc 49.859.555 đồng (trong đó nợ gốc của thẻ tín dụng số: 4791382530034377 là 9.687.803 đồng, nợ gốc của tài

khoản vay số: 142461869 là 36.267.555 đồng và nợ gốc của tài khoản vay số: 141437409 là 3.904.197 đồng).

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông P trả tổng tiền lãi trong hạn 680.224 đồng, lãi quá hạn của Hợp đồng tính đến ngày 30/5/2024 là: 168.025.669 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2024 cho đến khi ông P trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo trình bày của Ngân hàng, do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ trước hạn, thu hồi nợ thẻ, thông báo thu hồi nợ trước hạn của khoản vay hợp đồng cấp tín dụng và chuyển dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Cụ thể như sau: Ngày 30/01/2013, Ngân hàng ra Thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn số 4791382530034377 và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông P. Ngày 01/3/2013, Ngân hàng ra Thông báo chuyển nợ quá hạn thẻ tín dụng 4791382530034377. Ngày 31/01/2013, Ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số COH.CN.01100812/NV ngày 10/8/2012 (số tài khoản 142461869) và Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số COH.CN.01250712HMTC ngày 25/07/2012 (số tài khoản 141437409).

Việc chuyển nợ quá hạn và tính tiền lãi (trong hạn, quá hạn) của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông P trả tổng tiền lãi trong hạn 680.224 đồng (đối với tài khoản số: 142461869 là 590.144 đồng và tài khoản số: 141437409 là 90.080 đồng), tổng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/5/2024 là: 168.025.669 đồng (Trong đó: lãi quá hạn của thẻ tín dụng số: 4791382530034377 là 45.693.013 đồng, của tài khoản số: 142461869 là 110.427.149 đồng và tài khoản số: 141437409 là 11.905.507 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2024 cho đến khi ông P trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Viện Kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Trương Tấn P phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2024 là 218.565.448 đồng (Hai trăm mười tám triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng), gồm:

Nợ gốc 49.859.555 đồng (trong đó: nợ gốc của thẻ tín dụng số: 4791382530034377 là 9.687.803 đồng, nợ gốc của tài khoản vay số: 142461869 là 36.267.555 đồng và nợ gốc của tài khoản vay số: 141437409 là 3.904.197 đồng).

Nợ lãi trong hạn 680.224 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn của tài khoản số: 142461869 là 590.144 đồng và tài khoản số: 141437409 là 90.080 đồng)

Nợ lãi quá hạn 168.025.669 đồng (trong đó: lãi quá hạn của thẻ tín dụng số: 4791382530034377 là 45.693.013 đồng, của tài khoản số: 142461869 là 110.427.149 đồng và tài khoản số: 141437409 là 11.905.507 đồng).

Kể từ ngày 31/5/2024 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản Các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của M, hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng cấp tín dụng trả góp cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản Các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của M, hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng cấp tín dụng trả góp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.928.272đ (Mười triệu chín trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A 5.036.265đ (Năm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn hai

trăm sáu mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0044822 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 1;
- CCTHADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh